

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố TTHC được sửa đổi/TTHC đề nghị bãi bỏ trong lĩnh vực Quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ – CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3511/QĐ – UBND ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ – CP trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 2583/STP-KSTTHC ngày 18/10/2013 và Chánh Văn phòng UBND Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 01 thủ tục trong lĩnh vực Quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký .

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ

tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC (*Bộ Tư pháp*);
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- NC, TH, VX, HCTC;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Website, Công báo;
- Lưu: VT, NCĐa (2b)



www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7116/OD-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

PHẦN I: DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ VÀ 01 THỦ TỤC BỊ BỎ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	- Nhập quốc tịch Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216869-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC	Quốc tịch	Sở Tư pháp
2	- Trở lại quốc tịch Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216871-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC		
3	- Xin thôi quốc tịch Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216880-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC		
4	- Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216886-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC		
5	- Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216889-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC		
6	- Thông báo và ghi vào sổ đăng ký khai sinh việc có quốc tịch nước ngoài - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216902-TT	- Sửa nội dung: Theo phần II nội dung cụ thể từng TTHC		

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	- Nhập quốc tịch Việt Nam cho người không quốc tịch cư trú ổn định tại Việt Nam - Mã thủ tục hành chính: T-HNO-216905-TT	Quốc tịch	Sở Tư pháp

**PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

<p>Thủ tục số 39 (sửa đổi)</p>	<p>Nhập quốc tịch Việt Nam</p>
<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Người xin nhập quốc tịch Việt Nam điền thông tin vào đơn xin nhập quốc tịch, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, tiếp nhận và ghi phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì cán bộ một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ tiếp nhận hồ sơ và chuyển Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, lập danh mục hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy trình và chuyển các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Chú ý: Kết quả việc giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch do Bộ Tư pháp thông báo tới người có yêu cầu.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546152</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam. 2. Bản khai lý lịch. 3. Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị

thay thế của người xin nhập Quốc tịch Việt Nam.

(Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu của người xin nhập Quốc tịch Việt Nam là những giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch nước ngoài của người đó);

4. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

5. Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam.

Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam nhưng không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt, thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp để kiểm tra trình độ tiếng Việt.

6. Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam được quy định: Bản sao Thẻ thường trú.

7. Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong số các giấy tờ như: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó.

2. Thành phần hồ sơ của một số trường hợp đặc biệt:

2.1. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà người con chưa thành niên nhập quốc tịch Việt Nam cùng thì còn phải nộp văn

	<p>bản thỏa thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con.</p> <p>2.2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì phải nộp giấy tờ tương ứng chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân. - Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thì nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam. - Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy chứng nhận của cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao. <p>Chú ý: Những giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp theo các Điều ước mà Việt Nam là thành viên có quy định khác); được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam</p>
<p>Số lượng</p>	<p>- 03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp)</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>125 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật (thời gian làm việc thực tế tại các cơ quan).</p> <p>Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không có quốc tịch thì thời hạn nói trên giảm đi 10 ngày làm việc.</p> <p>Thời gian cụ thể tại từng cơ quan như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị xác minh nhân thân

	<p>người xin nhập quốc tịch: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>2. Thời hạn cơ quan công an xác minh và trả lời kết quả xác minh: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p> <p>3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ, trình Chủ tịch UBND Thành phố: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh.</p> <p>4. Thời hạn UBND Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tư pháp.</p> <p>5. Thời hạn Bộ Tư pháp xem xét, kiểm tra và thông báo cho người xin nhập làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài (trừ trường hợp người xin nhập xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không có quốc tịch): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của UBND Thành phố.</p> <p>6. Thời hạn Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài.</p> <p>Chú ý: Nếu người xin nhập quốc tịch xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không có quốc tịch thì thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ và báo cáo Thủ tướng Chính Phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của UBND Thành phố</p> <p>7. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ đề nghị.</p> <p>8. Thời hạn Bộ Tư pháp gửi thông báo kết quả: 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch nước quyết định.</p>
<p>Đối tượng thực hiện TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công dân nước ngoài đang thường trú tại Hà Nội và được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp thẻ thường trú. - Người không quốc tịch đang thường trú tại Hà Nội và được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp thẻ thường trú.
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính

	<p>phủ; UBND Thành phố; Công an Thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội (phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài).
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho nhập quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - 3.000.000đ /01 trường hợp (Ba triệu đồng) - Những trường hợp được miễn lệ phí: <ul style="list-style-type: none"> + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xã nhận về công lao đặc biệt đó. + Người mà việc nhập quốc tịch của họ có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam + Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 22 Luật Quốc tịch. + Người xin nhập quốc tịch là người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định trước 01/01/12009 (theo quyết định số 206/QĐ – TTg). + Người xin nhập quốc tịch là người Campuchia lánh nạn diệt chủng năm 1978 đến 1983 mà không có giấy tờ chứng minh quốc tịch gốc và đã từng đăng ký tại các trại tị nạn ở Việt Nam do Cao ủy Liên

	Hợp Quốc về người tị nạn bảo trợ.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT – 2010 – ĐXNQ.T.1) - Tờ khai lý lịch (TP/QT – 2010 – TKLL) <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam</p> <p>Công dân nước ngoài, người không quốc tịch đang thường trú tại Việt Nam mà có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam. 1.2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam. 1.3. Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam.(được đánh giá trên cơ sở khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt với công dân Việt Nam trong cuộc sống, phù hợp với môi trường sống và làm việc của người đó) 1.4. Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam.(đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên, kể từ ngày người đó được cấp thẻ thường trú) 1.5. Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam (khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam được chứng minh bằng tài sản, nguồn thu nhập hợp pháp của người đó hoặc sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam) . 1.6. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải thôi quốc tịch nước ngoài. 1.7. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam. 1.8. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Nhà nước Việt Nam.

	<p>2. Các trường hợp miễn điều kiện nêu tại điểm 1.3, 1.4 và 1.5:</p> <p>2.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.</p> <p>2.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>2.3. Có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>3. Các trường hợp miễn điều kiện nêu tại điểm 1.6:</p> <p>3.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.</p> <p>3.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xã nhận về công lao đặc biệt đó.</p> <p>3.3. Có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam.</p> <p>Điều kiện trên được miễn trong trường hợp đặc biệt nếu được Chủ tịch nước cho phép</p> <p>4. Phiếu lý lịch tư pháp sử dụng trong hồ sơ xin nhập quốc tịch phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>5. Người đã nhập Quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 19 của Luật Quốc tịch, dù đang cư trú ở trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam mà cố ý khai báo không đúng sự thật hoặc giả mạo giấy tờ khi xin nhập quốc tịch Việt Nam thì Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam có thể bị hủy bỏ nếu được cấp chưa quá 05 năm.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p>

3. Thông tư 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch

4. Thông tư 08/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch

5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp – Bộ Ngoại giao – Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

6. Thông tư 135/2010/TT – BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 146/2009/TT – BTC ngày 20/7/2009 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

Thẻ thường trú số:, cấp ngày, tháng, năm:.....

Cơ quan cấp:.....

....., cấp lần thứ:.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là :

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có): <input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: <input type="checkbox"/></p>
<p> </p>	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày... tháng năm.....

-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (6) Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- (7) Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

Thủ tục số 40 (sửa đổi)	Trở lại quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam điền thông tin vào đơn xin trở lại quốc tịch, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, tiếp nhận và ghi phiếu tiếp nhận hồ sơ .</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì cán bộ một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ tiếp nhận hồ sơ và chuyển Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, lập danh mục hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy trình và chuyển các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Chú ý: Kết quả việc giải quyết hồ sơ xin trở lại quốc tịch do Bộ Tư pháp thông báo tới người có yêu cầu.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1.1. Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>1.2. Bản khai lý lịch.</p> <p>1.3. Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị</p>

thay thế .

1.4. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

1.5. Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao Giấy khai sinh; bản sao quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó.

1.6. Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau :

- Bản sao giấy chứng nhận kết hôn đối với người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con đối với người có cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;

- Bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam đối với người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

- Giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của người đó sẽ đóng góp cho sự phát triển cho một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

1.7. Trong trường hợp có con chưa thành niên xin trở lại quốc tịch Việt Nam cùng cha, mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

Nếu chỉ có cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa

	<p>thành niên trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì còn phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam cho con.</p> <p>Chú ý: Các giấy tờ trong hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Những giấy tờ này phải được dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật.</p>
Số lượng	03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp).
Thời hạn giải quyết	<p>- 95 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật (thời gian làm việc thực tế tại các cơ quan).</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài thì thời hạn giải quyết là: 80 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật (do không phải làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài)</p> <p>Thời gian cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an xác minh nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Thời hạn cơ quan công an xác minh và trả lời kết quả xác minh: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tư pháp. 3. Thời hạn hoàn tất hồ sơ chuyển UBND Thành phố : 05 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. 4. Thời hạn Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. 5. Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, thông báo việc làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài đối với người đủ điều kiện: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của UBND Thành phố. 6. Thời hạn Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch

	<p>Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài; người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND Thành phố, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Thủ tướng Chính Phủ trình Chủ tịch nước</p> <p>7. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>8. Thời hạn Bộ Tư pháp thông báo kết quả cho người có yêu cầu: 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước.</p> <p>Chú ý: Các thời hạn trên không tính đến thời gian cho những trường hợp đặc biệt khác theo quy định pháp luật.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thêm về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Công an xác minh và thời hạn Bộ công an xác minh là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tư pháp</p>
<p>Đối tượng thực hiện TTHC</p>	<p>1. Người đã mất quốc tịch Việt Nam (do được thôi quốc tịch Việt Nam; do bị tước quốc tịch Việt Nam; do không đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam; trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha, mẹ là ai và chưa đủ 15 tuổi bị mất quốc tịch Việt Nam khi tìm thấy cha mẹ mà cha mẹ chỉ có quốc tịch nước ngoài hoặc chỉ tìm thấy cha hoặc chỉ tìm thấy mẹ mà người đó chỉ có quốc tịch nước ngoài; con chưa thành niên sinh sống cùng cha mẹ mất quốc tịch khi cha mẹ thôi quốc tịch Việt Nam (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người con); con chưa thành niên sinh sống cùng cha hoặc cùng mẹ mất quốc tịch Việt Nam khi có sự thay đổi quốc tịch của người cha hoặc người mẹ nếu có thỏa thuận bằng văn bản cùng cha mẹ (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người con); hoặc theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam nếu thuộc một trong số trường hợp dưới đây:</p> <p>1.1. Xin hồi hương về Việt Nam.</p> <p>1.2. Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam.</p> <p>1.3. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương,</p>

	<p>Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó.</p> <p>1.4. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam</p> <p>1.5. Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó).</p> <p>1.6. Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.</p> <p>Chú ý: Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú tại Hà Nội thì nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp Hà Nội (trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp hồ sơ tại cơ quan đại diện Việt Nam tại nước đó).</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính phủ; UBND Thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội.
<p>Kết quả thực hiện TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho trở lại quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho trở lại quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
<p>Lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2.500.000đ/01 trường hợp (hai triệu năm trăm nghìn đồng) - Những trường hợp được miễn lệ phí: + Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người có công lao đặc

	<p>biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó.</p> <p>+ Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà việc trở lại có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam</p> <p>+ Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>
<p>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</p>	<p>1. Mẫu TP/QT-2010-ĐXTLQT - Mẫu Đơn xin Trở lại QTVT</p> <p>2. Mẫu TP/QT-2010-TKLL - Mẫu Tờ khai lý lịch -Nhập QTVN</p> <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC</p>	<p>1. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>2. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>3. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây:</p> <p>3.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.</p> <p>3.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>3.3. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>4. Đối với trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam thì phải</p>

	<p>sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch Việt Nam thì mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.</p>
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none">1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008.2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.3. Thông tư 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.4. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên bộ Tư pháp – ngoại giao và công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.6. Thông tư 135/2010/TT – BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 146/2009/TT – BTC ngày 20/7/2009 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch.

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/QT-2010-ĐXTL

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (nếu có):

Địa chỉ nơi cư trú:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày tháng năm

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6):

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (7):

Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là :

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ cư trú hiện nay	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ghi chú (8)

Về quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có): <input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: <input type="checkbox"/></p>
<p> </p>	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày .. tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế; 3. Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
4. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch; 5. Ghi rõ loại giấy tờ gì;
6. Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào; 7. Nếu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.
8. Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam; 9. Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1)Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2)Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3)Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4)Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5)Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Thủ tục số 41 (sửa đổi)	Xin thôi quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người xin thôi quốc tịch Việt Nam điền thông tin vào đơn xin thôi quốc tịch, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, tiếp nhận và ghi phiếu tiếp nhận hồ sơ. + Nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì cán bộ một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ tiếp nhận hồ sơ và chuyển Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, lập danh mục hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy trình và chuyển các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Chú ý: Kết quả việc giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch do Bộ Tư pháp thông báo tới người có yêu cầu.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam có người giám hộ theo quy định pháp luật thì người giám hộ làm hồ sơ và nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Không cho phép ủy quyền cho người khác nộp thay.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>

**Thành
phần hồ sơ**

1. Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
2. Bản khai lý lịch
3. Bản sao Hộ chiếu Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân.

Trong trường hợp không có Hộ chiếu Việt Nam, giấy Chứng minh nhân dân thì nộp một trong các giấy tờ sau: bản sao Giấy khai sinh (trong trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ); Quyết định cho nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam; Quyết định công nhận việc nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài; Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

4. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

5. Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này.

Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó có quốc tịch nước ngoài.

Chú ý: Giấy tờ bảo đảm cho việc nhập quốc tịch nước ngoài của người xin thôi quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn xác minh về nhân thân thì thời hạn phải còn ít nhất là 120 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

Giấy tờ bảo đảm cho việc nhập quốc tịch nước ngoài của người xin thôi quốc tịch Việt Nam không thuộc diện miễn xác minh về nhân thân thì thời hạn phải còn ít nhất là 150 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

6. Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.

7. Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức, hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi

	<p>việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam hoặc không ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật quốc gia hoặc không trái với quy định của ngành đó.</p> <p>Thành phần hồ sơ trong một số trường hợp đặc biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ nêu tại điểm 4, 6 và 7. - Trường hợp nộp hồ sơ ở trong nước, người xin thôi quốc tịch Việt Nam xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền. <p>Chú ý: Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>
Số lượng	03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp)
Thời hạn giải quyết	<p>85 ngày làm việc (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp đăng thông báo và gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong 03 số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (Việc thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trên đó trong thời gian ít nhất 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo) 2. Thời hạn Công an Thành phố xác minh và trả lời kết quả: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Tư pháp. 3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình UBND Thành phố: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của Công an Thành phố. 4. Thời hạn UBND Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị

	<p>của Sở Tư pháp.</p> <p>5. Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND Thành phố.</p> <p>6. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>7. Thời hạn Bộ Tư pháp thông báo kết quả cho công dân: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước</p> <p>Chú ý: Thời gian trên không tính thời gian cho những trường hợp đặc biệt theo quy định pháp luật.</p>
Đối tượng thực hiện	- Công dân Việt Nam có đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài hiện đang cư trú tại Hà Nội.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính phủ; UBND Thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho thôi quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho thôi quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
Lệ phí	2.500.000đ/01 trường hợp (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.1 - Mẫu Đơn xin thôi QTVT 2. Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.2 - Mẫu Đơn xin thôi QTVT (dùng cho trường hợp người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ). 3. Mẫu TP/QT-2010-TKLL - Mẫu Tờ khai lý lịch <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	<p>1. Những trường hợp chưa được thôi quốc tịch Việt Nam:</p> <p>1.1. Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam mà cơ quan thuế hoặc</p>

<p>TTHC</p>	<p>cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ nợ có văn bản yêu cầu chưa cho người đó thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p>1.2. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>1.3. Đang chấp hành bản án, quyết định của tòa án Việt Nam.</p> <p>1.4. Đang bị tạm giam để chờ thi hành án.</p> <p>1.5. Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.</p> <p>2. Những trường hợp không được thôi quốc tịch Việt Nam:</p> <p>2.1. Việc thôi quốc tịch Việt Nam làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>2.2. Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p>3. Những trường hợp được miễn xác minh về nhân thân:</p> <p>3.1. Người dưới 14 tuổi;</p> <p>3.2. Người sinh ra và định cư ở nước ngoài;</p> <p>3.3. Người đã định cư ở nước ngoài từ 10 năm trở lên;</p> <p>3.4. Người đã được xuất cảnh theo diện đoàn tụ gia đình.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch</p> <p>4. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p> <p>5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên bộ Tư pháp – Ngoại giao – Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p>

Ảnh 4 x 6 (Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.1

ĐƠN XIN THỜI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thời quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thời quốc tịch Việt Nam:

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thời quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày... tháng..... năm.....

-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;

Ảnh 4 x 6
(Của người chưa thành
niên chụp chưa quá 6
tháng)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên người giám hộ làm Đơn (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Quốc tịch hiện nay (3):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4): Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam :.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

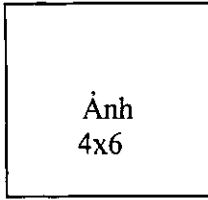
- (1)Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2)Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3)Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4)Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5)Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Thủ tục số 42 (sửa đổi)	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho công dân . - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn công dân bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ tại chỗ hoặc bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3 : Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho công dân biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả cho công dân theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Trường hợp người xin xác nhận là người gốc Việt Nam là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay.</p>

	<p>Cách 2: Người yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>Trường hợp này những giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật</p> <p>Nơi tiếp nhận : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu); 2. 02 ảnh 4 x6 (01 ảnh dán tờ khai và 01 ảnh gửi kèm theo hồ sơ) 3. Bản sao (bản sao chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế. 4. Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu Một trong các giấy sau để chứng minh có quốc tịch Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; - Giấy chứng minh nhân dân; - Hộ chiếu Việt Nam; - Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. <p>Chú ý: Trong trường hợp không có các giấy tờ để chứng minh về quốc tịch theo nội dung của thành phần hồ sơ số 4 thì thay thế bằng các giấy tờ sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai lý lịch (theo mẫu) - Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị em ruột;

	<p>Hoặc: Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30/4/1975;</p> <p>Hoặc: Bản sao các giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>1. Trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp và Công an Thành phố hoặc Công an nơi thường trú cuối cùng của người yêu cầu tiến hành xác minh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan Công an tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh của Bộ Tư pháp hoặc cơ quan công an, Sở Tư pháp xem xét và trả kết quả cho công dân.
Đối tượng thực hiện	Công dân đang cư trú tại thành phố Hà Nội có yêu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài - Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp; Công an Thành phố; Cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có)
Kết quả thực hiện TTHC	<p>1. Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu).</p> <p>2. Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, xác minh, kiểm tra mà vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết.</p>

Lệ phí	Không thu phí
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>1. Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu: TP/QT – 2013 – TKXNCQTVN ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 05/2013/TTLT – BTP – BNG - BCA)</p> <p>2. Tờ khai lý lịch (Mẫu : TP/QT-2010-TKLL ban hành kèm theo Thông tư 08/2010/TT- BTP)</p> <p>(Công dân có thể tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về tại website: www.sotuphaphanoi.gov.vn)</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Giấy tờ trong hồ sơ xác nhận có quốc tịch Việt Nam nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;</p> <p>2. Những giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam</p>
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch ;</p> <p>4. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT – BTP – BNG – BCA của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại Giao và Bộ Công an ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch</p> <p>5. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Họ và tên người yêu cầu: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:

số, cấp ngày tháng năm

tại

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1)

2)

3)

4)

5)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/QT-2010-TKLL

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :
Ngày, tháng, năm sinh :
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :
Ngày, tháng, năm sinh :
Nơi sinh:
Quốc tịch :
Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:
Ngày, tháng, năm sinh :
Nơi sinh:
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:
Ngày, tháng, năm sinh :
Nơi sinh:
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Chú thích:**
1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
 2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
 3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
 4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
 5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

Thủ tục số 43(sửa đổi)	Cấp gấp xác nhận là người gốc Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu), chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho công dân . - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn công dân bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ tại chỗ hoặc bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3 : Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho công dân biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả cho công dân theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người xin xác nhận là người gốc Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp người xin xác nhận là người gốc Việt Nam là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay.</p>

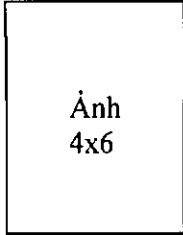
	<p>Cách 2: Người xin xác nhận có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện</p> <p>Chú ý: Trường hợp này những giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật</p> <p>Nơi tiếp nhận : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu) 2. Hai ảnh 4x6 (Một ảnh dán vào Tờ khai và 01 ảnh gửi kèm theo hồ sơ). 3. Bản sao (Bản sao chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế. 4. Bản sao (Bản sao chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống (ví dụ như Giấy khai sinh; hoặc Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam....) 5. Giấy tờ khác có liên quan để làm căn cứ tham khảo như : <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30/4/1975; (Bản sao chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu) - Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; (Bản chính) - Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu cso gốc Việt Nam; (Bản chính) - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam. (Bản sao chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu)

Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .
Đối tượng thực hiện	Công dân cư trú tại thành phố Hà Nội có yêu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài - Sở Tư pháp Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đủ cơ sở xác định người yêu cầu có nguồn gốc Việt Nam: Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu) . - Trường hợp không đủ cơ sở để xác nhận người có yêu cầu là người gốc Việt Nam , Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho công dân.
Lệ phí	Không thu phí
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu : TP/QT – 2013 – TKXNLNGVN) Công dân tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy tờ trong hồ sơ xác nhận có quốc tịch Việt Nam nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; 2. Những giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam 3. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp , Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi

hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

4. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT – BTP – BNG – BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT – BTP – BNG – BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

www.LuatVietnam.vn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội

Họ và tên người yêu cầu: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

số, cấp ngày tháng năm

tại

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

1)

2)

3)

4)

5)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ tục số 44 (sửa đổi)	Thông báo và ghi vào sổ đăng ký khai sinh việc có quốc tịch nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người có yêu cầu điền thông tin vào văn bản thông báo việc có quốc tịch nước ngoài (theo mẫu), chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, tiếp nhận và chuyển giải quyết theo thẩm quyền).</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì cán bộ một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ tiếp nhận hồ sơ và chuyển Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, lập danh mục hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy trình và chuyển các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội</p> <p>Cách 2: Thông qua cha, mẹ hoặc người giám hộ (đối với những trường hợp người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân) và nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội.</p> <p>Cách 3: Gửi thông báo qua đường bưu điện. (Giấy tờ trong trường hợp này phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433546151/0433546157</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thông báo có quốc tịch nước ngoài (theo mẫu), có chữ ký của người thông báo.</p>

	<p>2. Bản sao giấy tờ chứng minh có quốc tịch nước ngoài.</p> <p>3. Bản sao Chứng minh nhân dân/ Hộ khẩu (bản sao chứng thực hoặc bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu).</p> <p>Chú ý: Nếu nộp hồ sơ thông qua cha, mẹ, người giám hộ thì kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ là cha, mẹ, hoặc người giám hộ theo quy định pháp luật;</p> <p>Những giấy tờ trong hồ sơ nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác. Nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo đúng quy định pháp luật Việt Nam;</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo có quốc tịch nước ngoài
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>Công dân Việt Nam kể từ ngày 01/7/2009 vì lý do nào đó mà có quốc tịch nước ngoài và chưa mất quốc tịch Việt Nam hiện đang cư trú tại Hà Nội.</p> <p>Chú ý: Trường hợp công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài hiện cư trú tại Hà Nội và trước đây đã đăng ký khai sinh tại Sở Tư pháp Hà Nội thì Sở Tư pháp Hà Nội đồng thời thực hiện việc ghi chú khai sinh.</p> <p>Trường hợp công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài hiện cư trú tại Hà Nội và trước đây không đăng ký khai sinh tại Sở Tư pháp Hà Nội thì Sở Tư pháp Hà Nội thông báo tới cơ quan đăng ký khai sinh trước đây của công dân thực hiện việc ghi chú khai sinh.</p>
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài – Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội. - Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã – nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh (nếu có)

Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách công dân Việt Nam đã thông báo có quốc tịch nước ngoài; ghi vào sổ quốc tịch. - Ghi chú có quốc tịch nước ngoài trong sổ đăng ký khai sinh của công dân. - Trường hợp từ chối thực hiện, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	<p>Chưa thu phí</p>
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>1. Thông báo có quốc tịch nước ngoài</p> <p>Công dân có thể tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Công dân Việt Nam có quốc tịch nước ngoài và chưa mất quốc tịch Việt Nam từ ngày 01/7/2009.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quốc tịch nước ngoài, công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài phải thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam hoặc Sở Tư pháp biết việc họ có quốc tịch nước ngoài.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22 /9/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p> <p>4. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên bộ Tư pháp – Ngoại giao – Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÓ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI

Kính gửi (1) Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Họ và tên (2).....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (3):

Nơi đăng ký khai sinh (4):.....

Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế (5):..... số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:.....

Tôi có quốc tịch (6): từ ngày, tháng, năm:.....

Hộ chiếu nước ngoài/giấy tờ hợp lệ thay thế:..... số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Cách thức có quốc tịch nước ngoài (7):.....

Tôi là công dân Việt Nam xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài như trên và xin cam kết việc đồng thời có quốc tịch nước ngoài của tôi không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi cũng xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài của con chưa thành niên hoặc người được giám hộ hiện đang sinh sống cùng tôi có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Có quốc tịch nước nào, cách thức có quốc tịch nước ngoài

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-
-

Người thông báo

(ký và ghi rõ họ tên)

www.LuatVietnam.vn

MỤC LỤC

STT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Trang
1	Nhập quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp Hà Nội	2
2	Trở lại quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp	14
3	Xin thôi quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp	25
4	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp	35
5	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Sở Tư pháp	42
6	Thông báo và ghi vào sổ đăng ký khai sinh việc có quốc tịch nước ngoài	Sở Tư pháp	47

www.LuatVietnam.vn